

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HSST
Ngày: 19/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Tháp
Bà Nguyễn Ngọc Cúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2017/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2017 đối với:

Bị cáo: **Trần Thiện T**, sinh ngày 17/4/1997, tại: Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BP, xã TB, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ấp BP, xã TB, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm phụ hồ; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1959 và bà Phạm Ngọc A, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Cửu. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1962 là Luật sư, Văn phòng Luật sư Vũ Văn Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TS, xã BH, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/01/2017, anh Lê Văn N, anh Nguyễn Văn A và anh Bùi Văn B ngụ cùng khu A, TS, xã BH, huyện V, tỉnh Đồng Nai đến nhà anh Trần Minh C là bạn ngụ tại ấp BP, xã TB, huyện V, tỉnh Đồng Nai uống bia. Khi uống gần hết 01 thùng bia thì anh C mệt đi nghỉ còn lại anh N, anh A và anh B tiếp tục ngồi uống bia. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Thiện T là anh trai của C đi làm về thấy cả nhóm đang uống bia nên vào ngồi cùng và gọi điện thoại mua thêm 01 thùng bia về tiếp tục uống. Đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày trong lúc uống

bia nói chuyện thì xảy ra mâu thuẫn giữa Trần Thiện T và Lê Văn N, T lấy ca nhựa đựng bia ném anh N, nhưng anh N tránh được, thấy vậy anh A can ngăn và dùng tay tát vào mặt T 01 cái. T bỏ ra phía sau nhà lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 70cm x 04cm lên chém 01 nhát từ phía sau trúng vùng đầu anh A làm anh A ngã xuống đất. T tiếp tục dùng dao chém trúng 02 tay anh A. Anh N và anh B vào can ngăn không cho T chém anh A. Trong lúc can ngăn, giằng co anh B bị T chém 01 nhát trúng vùng gò má trái gây thương tích. Anh A và anh B được đưa đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0119/GDPY/2017 ngày 28/02/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đối với anh Nguyễn Văn A, kết luận:

Vật gây thương tích: Vật sắc.

Tổn thương mô xương đá trái kích thước dài 3,8cm, diện não đồ có rối loạn vân mạch não. Tỷ lệ 11%.

Tổn thương gãy xương bàn IV và nền xương bàn V tay phải đã phẫu thuật kết hợp xương. Tỷ lệ 06%.

Vết thương bàn tay phải đứt gân duỗi ngón IV, V tay phải đã được khâu nối, hiện để lại hạn chế nhẹ động tác gấp duỗi ngón IV, V tay phải. Tỷ lệ 01%.

Vết thương cằm – thái dương trái để lại sẹo kích thước 09cm x 0,2cm, vết thương cẳng tay trái để lại sẹo kích thước 09 x 0,2cm và vết thương mu bàn tay phải để lại sẹo kích thước 11 x 0,2cm. Tỷ lệ 04%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 20%.

Sau khi gây án, bị cáo T đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 01/4/2017 trở lại địa phương thì bị Công an điều tra Công an huyện bắt giam. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật vụ án là 01 con dao tự chế bằng sắt kích thước dài khoảng 70cm x 04cm, lưỡi sắc, đầu dao tròn. Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

Trong lúc can ngăn, anh Bùi Văn B cũng bị T dùng dao chém trúng gò má trái gây thương tích. Do bị thương nhẹ anh B đã từ chối giám định tỷ lệ phần trăm thương tật, không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bị cáo T bồi thường.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn A yêu cầu bị cáo Trần Thiện T phải bồi thường tổng số tiền 89.931.960 đồng.

Trong khi điều trị bị cáo Trần Thiện T đã hỗ trợ bồi thường chi phí điều trị số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 12/6/2017 bà Phạm Ngọc D (Mẹ bị cáo T) đến Viện kiểm sát đề nghị được nộp bồi thường trước xét xử số tiền 5.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả do bị cáo T đã gây ra.

Bản cáo trạng số 34/CT/VKS-HS ngày 14/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Thiện T phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu luận tội:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Trần Thiện T đã dùng dao chém vào vùng sau đầu và hai

tay của anh Nguyễn Văn A gây thương tích tỷ lệ 20%. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 (Dùng hung khí nguy hiểm) Điều 104 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Trần Thiện T về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 2.500.000 đồng trong quá trình người bị hại điều trị và đề nghị được nộp số tiền 5.000.000 đồng trước khi xét xử nhằm khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, nguyên nhân xảy ra vụ án cũng có một phần lỗi của người bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thiện T mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: Tang vật vụ án là 01 con dao tự chế bằng sắt kích thước dài khoảng 70cm x 04cm, lưỡi sắc, đầu dao tròn. Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được nên không xem xét.

Bị cáo Trần Thiện T nói lời sau cùng: Bị cáo xin được hưởng hình phạt nhẹ để sớm trở về với gia đình và xã hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thiện T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 16/01/2017, trong lúc ngồi uống bia với anh Lê Văn N, anh Nguyễn Văn A và anh Bùi Văn B ngụ cùng khu A, TS, xã BH, huyện V, tỉnh Đồng Nai tại ấp BP, xã TB, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì xảy ra mâu thuẫn giữa Trần Thiện T với Lê Văn N, T lấy ca nhựa đựng bia ném anh N nhưng anh N tránh được. Thấy vậy, anh Nguyễn Văn A can ngăn và dùng tay tát vào mặt T 01 cái. T bỏ ra phía sau nhà lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 70cm x 04cm lên chém một nhát từ phía sau trúng vùng đầu anh A làm anh A ngã xuống đất. T tiếp tục dùng dao chém

trúng 02 tay anh A. Anh A được đưa đi cấp cứu. Hậu quả làm anh Nguyễn Văn A bị thương tích tỷ lệ 20%, thương tích là do vật sắc gây ra.

Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a (Dùng hung khí nguy hiểm) khoản 1, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố và viện dẫn. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội “4. Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2016:

a) Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13.

b) Áp dụng các quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 109/2015/QH13 tại điểm a khoản này.

c) Các quy định khác tại Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự và tại Nghị quyết số 110/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật tố tụng hình sự có ghi thời điểm “Ngày 01 tháng 7 năm 2016” được lùi đến thời điểm “Ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành”.

Theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì so sánh hình phạt giữa khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) với khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn (Có lợi cho người phạm tội) nên Hội đồng xét xử xem xét những quy định có lợi cho bị cáo trong khi quyết định hình phạt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Sau khi phạm tội bị cáo, gia đình bị cáo đã chủ động bồi thường 2.500.000 đồng và nộp 5.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thiện T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là bị cáo T bị kích động do lỗi của người bị hại; Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền quá lớn mà gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, một mình mẹ bị cáo phải nuôi bốn anh chị em của bị cáo từ nhỏ, hiện nay mẹ bị cáo thường xuyên bị bệnh nhưng trong quá trình người bị hại điều trị bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường 2.500.000 đồng và đề nghị nộp 5.000.000 đồng trước khi xét xử để khắc phục một phần hậu quả do bị cáo

gây ra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình, giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa đổi, làm lại từ đầu.

Ý kiến bào chữa của Luật sư phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận khi Hội đồng xét xử nghị án xem xét quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại anh Nguyễn Văn A yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 12.728.960 (Có hóa đơn kèm theo) và thu nhập thực tế bị mất trong quá trình điều trị 03 tháng từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/4/2017 mỗi tháng 6.000.000 đồng (tổng cộng là 18.000.000 đồng). Tổng số tiền bị hại anh Nguyễn Văn A yêu cầu bồi thường là 30.728.960 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền trên cho người bị hại. Do đó, số tiền bị cáo đã bồi thường 2.500.000 đồng trong khi người bị hại điều trị sẽ được khấu trừ, tổng số tiền bị cáo T còn phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn A là 28.228.960 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do bà Phạm Ngọc D (Mẹ của bị cáo) nộp theo biên lai thu số 0001859 ngày 12/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền mà bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Tang vật vụ án là 01 con dao tự chế bằng sắt kích thước dài khoảng 70cm x 04cm, lưỡi sắc, đầu dao tròn. Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thiện T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thiện T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2017.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng các Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 357, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Trần Thiện T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn A số tiền 28.228.960 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn chín trăm sáu

mười đồng).

Tiếp tục tạm giữ với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp theo biên lai thu số 0001859 ngày 12/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền mà bị cáo phải bồi thường.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về phần dân sự thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.411.500 đồng (Một triệu bốn trăm mười một nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu ;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- THA huyện V;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lâm